TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM MỸ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 05/2023/QĐST-HNGĐ	*Cẩm Mỹ, ngày 24 tháng 3 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ

Căn cứ vào Điều 29, 149, 150, 212, 213, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 và 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 16 tháng 3 năm 2023;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 77/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2023 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con*", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Chị M B T, sinh năm 1989.

HKTT và nơi cư trú: ấp S, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

2. Anh P N L, sinh năm 1989.

HKTT và nơi cư trú: ấp S, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: chị M B T và anh P N L cùng nộp đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và con chung nên quan hệ pháp luật thụ lý giải quyết là "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hônvà thỏa thuận nuôi con". Người yêu cầu là chị T và anh L có nơi cư trú tại ấp S, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì yêu cầu của chị M B T và anh P N L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ.

[2] Về nội dung việc dân sự:

- Quan hệ hôn nhân: Chị M B T và anh P N L tự nguyện tiến đến hôn nhân, đã đăng ký kết hôn và được UBND xã Xuân Mỹ, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 13 ngày 21/01/2013. Hôn nhân giữa hai người là hợp pháp. Sau khi kết hôn về chung sống, đến đầu năm 2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung và thường xuyên cãi vã trong cuộc sống sinh hoạt hằng ngày, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, mặc dù đã được Tòa án hòa giải để đoàn tụ nhưng chị M B T và anh P N L vẫn giữ nguyên yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh chị có con chung là cháu P H P N, sinh ngày 04/01/2017. Khi ly hôn thỏa thuận giao các con chung cháu P H P N cho chị Thảo tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng; anh P N L cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng với số tiền 2.000.000 (hai triệu) đồng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Thảo và anh Lâm khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí: Chị M B T và anh P N L phải chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị M B T và anh P N L.

- Về con chung: Giao con chung là cháu P H P N, sinh ngày 04/01/2017 cho chị M B T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh P N L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng với số tiền là 2.000.000 đồng. Nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo Điều 118 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Anh L được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của trẻ khi cần thiết các bên có quyền được yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: các đương sự khai không có và không ai yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị M B T và anh P N L t phải chịu 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng mà chị M B T và anh P N L đã nộp tại biên lai thu tiền số 0001828 ngày 17/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai. Chị Thảo và anh Lâm đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự ; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND H Cẩm Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Mỹ;
- UBND xã Xuân Mỹ, h Cẩm Mỹ
(Số: 13 ngày 21/01/2013);
- Lưu HS, AV.

THẨM PHÁN

Đã ký

Nguyễn Hoài Bảo